

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LỢI CHUYỂN ĐẾN T	9
THUYẾT MINH	10-23

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành trình bày đây các tài liệu kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để kiểm toán.

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-23

Chỉ chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000 VND lên 75.000.000.000 VND

Chỉ chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 03 năm 2010 tăng vốn điều lệ từ 75.000.000.000 VND lên 82.498.980.000 VND

Đơn vị cổ đông nắm giữ		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
STT	Tên cổ đông nắm giữ	Đổi đăng ký hồ sơ khai thông tin	
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	136 Nam Lý Khảo Nghĩa, Phường 9, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.745.200 37,14%
2	Đông Thành Phát		1.170.350 15,07%
3	Đông Thành Phát Công nghiệp B&I		
4	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Thành phố Hồ Chí Minh)	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	839.162 10,79%
5	Và các cổ đông khác		2.440.228 31,90%
			<u>7.195.000 100,00%</u>

* Vốn điều lệ: 82.498.980.000 VND

* Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giải Phóng Hai Xã Trung Lập Hạ Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-08) 3 790 7619

Fax: (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế: 0311150295

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán các phẩm cao su hàng nội, dây conveyor, dây truyền tải, xe cẩu xe đẩy, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật, nhựa bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng hóa công nghệ. Đại lý mua bán kỹ khí hàng hóa. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng, dân cư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh hệ thống số hóa, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000 VND lên 75.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 08 năm 2010 tăng vốn điều lệ từ 75.000.000 VND lên 82.499.980.000 VND

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	2.785.200	37,14%
2	Vốn nhà nước		1.875.000	25,00%
3	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (thành lập lại từ Công ty thuốc lá Bến Thành)	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	359.162	4,79%
4	Và 92 cổ đông khác		2.480.638	33,08%
	Tổng		7.500.000	100,00

• **Vốn điều lệ :** 82.499.980.000 VND

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3 790 7619

Fax : (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế : **0 3 0 1 1 5 0 2 9 5**

- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trên bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
- Ông Nguyễn Bán	Thành viên
- Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
- Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên
- Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 23).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

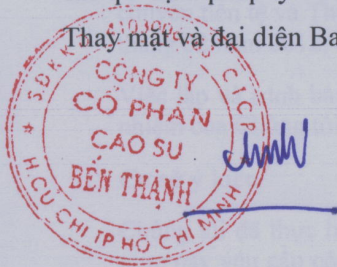
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012

VĂN THỊ HAI – Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kế toán viên số: 833/KT

NGUYỄN

Nhiệm vụ

Lưu Ý: Không

LÊ QUỐC TUẤN – Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1216/STP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng Công ty đang ghi nhận khoản lỗ trong giai đoạn trước khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần như một khoản phải thu Nhà nước chờ ý kiến xử lý với số tiền 5.970.216.154 VND. Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, vấn đề nêu trên có thể thay đổi quan điểm của người đọc Báo cáo tài chính này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012



VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

LÊ QUỐC TUẤN - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1558/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.826.781.931	108.024.704.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	37.978.863.377	38.126.813.574
1. Tiền	111		10.361.438.338	3.460.282.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.617.425.039	34.666.530.863
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.668.041.667	3.300.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	3.668.041.667	3.300.000.000
III. Các khoản phải thu	130		33.802.467.085	32.911.357.068
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.3	25.140.972.922	23.027.376.675
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	1.324.069.550	775.454.720
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.5	9.113.231.874	10.027.040.785
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.6	(1.775.807.261)	(918.515.112)
IV. Hàng tồn kho	140		40.483.772.666	30.884.277.216
Hàng tồn kho	141	VI.7	40.483.772.666	30.884.277.216
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.893.637.136	2.802.256.984
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		586.167.200	1.408.801.755
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.8	3.307.469.936	1.393.455.229
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.998.256.232	65.383.332.240
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II. Tài sản cố định	220		48.521.058.056	54.267.824.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	48.519.951.726	54.265.596.049
- Nguyên giá	222		99.574.352.687	97.511.086.414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.054.400.961)	(43.245.490.365)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	1.106.330	2.228.234
- Nguyên giá	228		11.219.048	11.219.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.112.718)	(8.990.814)
III. Bất động sản đầu tư	240			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.660.246.666	8.696.644.981
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.11	260.246.666	296.644.981
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.12	8.400.000.000	8.400.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.816.951.510	2.418.862.976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	4.395.746.461	2.368.862.846
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14	421.205.049	50.000.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.825.038.163	173.408.037.082

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		58.056.091.910	47.486.326.003
I. Nợ ngắn hạn	310		44.146.492.830	32.285.503.499
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.15	15.217.444.187	8.789.101.862
2. Phải trả cho người bán	312	VI.16	8.789.826.210	8.411.398.075
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.17	604.099.205	325.143.600
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.18	2.707.312.127	3.906.681.533
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.19	744.354.109	171.671.302
6. Chi phí phải trả	316	VI.20	2.341.358.871	2.044.509.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.21	11.694.925.441	7.251.579.626
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	VI.22	1.934.528.758	1.235.643.328
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		112.643.922	149.775.173
II. Nợ dài hạn	330		13.909.599.080	15.200.822.504
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.23	140.000.000	140.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.24	13.769.599.080	15.060.822.504
B - Nguồn vốn chủ sở hữu	400		123.768.946.253	125.921.711.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	123.768.946.253	125.921.711.079
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.499.980.000	82.499.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.140.020.000	23.140.020.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.939.655.402	6.753.014.656
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.440.722.908	1.328.056.312
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.748.567.943	12.200.640.111
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		181.825.038.163	173.408.037.082

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		1.510.999.132	1.510.999.132
Ngoại tệ các loại (USD)		1.330,05	17.955,13

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN THANH
 Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TỐ NHƯ
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		166.360.772.014	112.448.238.775
2. Các khoản giảm trừ	03		-	362.099.536
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	166.360.772.014	112.086.139.239
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	128.521.150.363	82.378.347.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.839.621.651	29.707.792.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	7.898.521.547	7.941.283.443
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	4.063.013.704	2.609.136.756
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		823.365.031	1.081.358.719
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	17.153.677.470	12.917.741.139
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	7.952.844.097	7.283.670.300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.568.607.927	14.838.527.253
11. Thu nhập khác	31	VII.7	14.596.911	661.152.573
12. Chi phí khác	32	VII.8	17.512.113	664.125.211
13. Lợi nhuận khác	40		(2.915.202)	(2.972.638)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		16.565.692.725	14.835.554.615
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	2.457.460.751	2.634.914.504
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		14.108.231.974	12.200.640.111
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	1.710	1.479



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÓ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SỰ BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		16.565.692.725	14.835.554.615
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.810.032.500	6.214.239.517
- Các khoản dự phòng	03		857.292.149	357.749.429
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.345.227.611	(423.973.429)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.350.611.725)	(26.949.866)
- Chi phí lãi vay	06		823.365.031	1.081.358.719
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		19.050.998.291	22.037.978.985
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.190.847.506)	(5.710.841.715)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	323		(9.599.495.450)	(16.425.643.175)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.720.421.342	7.356.809.014
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.026.883.615)	(360.958.193)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(789.748.160)	(1.081.358.719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.451.810.501)	(1.438.078.643)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.422.832.728	5.110.230
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.636.345.509)	(964.725.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		1.499.121.620	3.418.292.784
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.063.266.273)	(26.724.295.931)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	720.760.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.800.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.275.640.221	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		3.212.373.948	(21.303.535.931)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.013.008.053	26.413.738.786
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.207.932.016)	(10.750.942.820)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.702.347.600)	(3.013.242.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(4.897.271.563)	12.649.553.166
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(185.775.995)	(5.235.689.981)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.126.813.574	43.333.664.353
Ảnh hưởng của thay đổi chênh lệch tỷ giá	61		37.825.798	28.839.202
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	37.978.863.377	38.126.813.574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TỎ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất băng tải, dây courroie, dây truyền bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lẻ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ năm của Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

4. Khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ.

7. Tài sản cố định và Khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được khấu trong 10 năm.

9. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 4 năm.

Chi phí sửa chữa nhà xưởng phân bổ không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất là 20 năm.

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp trong năm hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính

Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Công ty đăng ký thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 05 tháng 07 năm 2007.

Năm 2011 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế phải nộp. Ngoài ra theo Thông tư 154 của Bộ Tài chính Công ty tiếp tục được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ của Công ty được trích lập khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	207.769.419	53.704.152
Tiền gửi ngân hàng	10.153.668.919	3.406.578.559
- Tiền mặt VND	10.125.966.637	3.102.583.082
- Tiền USD quy đổi sang VND	27.702.282	303.995.477
Các khoản tương đương tiền	27.617.425.039	34.666.530.863
- Tiền VND gửi ngân hàng Kỹ Thương (*)	18.617.425.039	23.200.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN (*)	9.000.000.000	11.466.530.863
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	37.978.863.377	38.126.813.574

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm ngân hàng ĐT&PTVN	3.668.041.667	3.300.000.000
Cộng	3.668.041.667	3.300.000.000

3. Phải thu khách hàng

CN Công ty Cổ phần XM Hà Tiên 1- NM XM Bình Phước	3.710.481.500	466.636.500
Công ty TNHH Một thành viên than Mạo Khê	1.689.182.000	331.078.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Long An	1.613.286.455	582.408.000
Công ty Cổ phần xi măng Fico Tây Ninh	1.435.560.000	-
CN Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh- NM XM Tây Ninh	1.207.410.000	1.145.496.000
Martec International	1.119.984.044	959.965.992
Công ty TNHH An Đông	871.762.675	368.749.185
Globetech Manufacturing INC	857.342.964	-
Công ty TNHH MTV 86	849.300.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát - Vissai	827.284.250	800.382.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	608.784.000	608.784.000
Công ty CP xi măng Bim Sơn	594.440.000	702.009.000
Công ty Tuyển Than Cửa Ông	508.281.147	-
Các đối tượng khác	9.247.873.887	17.061.867.998
Cộng	25.140.972.922	23.027.376.675
4. Trả trước cho người bán		
Cơ khí Tiến Dũng	634.200.000	-
COMIN ASIA PTE LTD	346.352.350	-
Công ty CP Cao su Tây Ninh	255.790.000	-
Các đối tượng khác	87.727.200	775.454.720
Cộng	1.324.069.550	775.454.720
5. Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cao Su 30-4	1.484.597.689	2.938.996.797
Phải thu về cổ phần hóa	365.886.075	365.886.075
Khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn		
Nhà nước trước khi chuyển sang Công ty Cổ phần	5.970.216.154	5.970.216.154
Khoản phải thu do chi dư trên quỹ phúc lợi	706.144.234	706.144.234
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	4.000.000	-
Kho bạc nhà nước Tp. HCM	275.387.722	-
Phải thu khác	307.000.000	45.797.525
Cộng	9.113.231.874	10.027.040.785
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
Công ty TNHH Gia Thịnh	489.684.630	489.684.630
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	120.562.534	120.562.534
Công ty CP XM Hướng Dương	163.557.309	-
Công ty CP XM Cẩm Phả	304.392.000	-
Công ty TNHH SX TM Hồng Mã Nghị	160.000.000	-
Các đối tượng khác	537.610.788	308.267.948
Cộng	1.775.807.261	918.515.112
7. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	21.962.099.555	18.484.807.116
Công cụ, dụng cụ	174.399.006	185.846.384
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.994.360.779	3.511.073.889
Thành phẩm	9.670.802.671	7.142.603.972
Hàng hóa	51.182.500	-
Hàng gửi đi bán	5.630.928.155	1.559.945.855
Cộng	40.483.772.666	30.884.277.216
8. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tạm ứng	2.549.867.000	991.765.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	757.602.936	401.690.229
Cộng	3.307.469.936	1.393.455.229

9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	12.943.917.570	77.760.352.733	6.397.451.812	409.364.299	97.511.086.414
2. Tăng trong năm	-	1.070.000.000	993.266.273	-	2.063.266.273
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	12.943.917.570	78.830.352.733	7.390.718.085	409.364.299	99.574.352.687
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	5.475.285.827	34.816.577.490	2.741.623.110	212.003.938	43.245.490.365
2. Tăng trong năm	555.120.828	6.501.102.363	689.551.449	63.135.956	7.808.910.596
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	6.030.406.655	41.317.679.853	3.431.174.559	275.139.894	51.054.400.961
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	7.468.631.743	42.943.775.243	3.655.828.702	197.360.361	54.265.596.049
2. Số cuối năm	6.913.510.915	37.512.672.880	3.959.543.526	134.224.405	48.519.951.726

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 24.634.427.665 VND và giá trị còn lại theo sổ sách là 21.995.714.682 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị nhãn hiệu

	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.219.048	8.990.814	2.228.234
Tăng trong năm	-	1.121.904	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	11.219.048	10.112.718	1.106.330

11. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Góp vốn liên doanh vào Nông trường 30 – 4	694.813.761	694.809.283
Khấu hao vườn cao su	(434.567.095)	(398.164.302)
Cộng	260.246.666	296.644.981

Đây là khoản liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cao su 30 – 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh. Theo hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HDLKKT ngày 25 tháng 07 năm 1993 với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Địa chỉ : xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong năm 2011, Công ty nhận được lãi từ hoạt động liên kết là 2.548.713.129 VND.

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư dài hạn khác	8.400.000.000	8.400.000.000
Cộng	8.400.000.000	8.400.000.000

Công ty mua 700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Đông Dương.

- Mệnh giá : 10.000 VND
- Giá mua : 12.000 VND

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	995.970.390	406.388.637	533.738.009	868.621.018
Công cụ, dụng cụ	307.856.808	2.426.726.800	600.884.173	2.133.699.435
Tiền thuê đất	1.053.228.900	-	121.526.400	931.702.500
Bảo hiểm tài sản	11.806.748	162.680.310	160.930.371	13.556.687
Chi phí khác	-	512.190.655	64.023.834	448.166.821
Cộng	2.368.862.846	3.507.986.402	1.481.102.787	4.395.746.461

14. Tài sản dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn	421.205.049	50.000.130
Cộng	421.205.049	50.000.130

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	5.489.101.862	21.091.586.357	14.663.244.032	11.917.444.187
NH Đầu tư và phát triển	5.489.101.862	1.506.585.049	5.489.101.862	1.506.585.049
Ngân hàng Kỹ Thương	-	19.585.001.308	9.174.142.170	10.410.859.138
Nợ quá hạn	3.300.000.000	-	-	3.300.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển đô thị TP.HCM	3.300.000.000	-	-	3.300.000.000
Cộng	8.789.101.862	21.091.586.357	14.663.244.032	15.217.444.187

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cao su 30-4 Tây Ninh	2.938.433.200	2.846.323.840
Công ty VLXD Xây lắp Thương Mại	1.290.073.813	1.290.073.813
Công ty TNHH Bảo Tượng	912.992.207	1.117.168.707
DNTN Huy Thịnh	724.500.000	-
Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	611.215.000	1.010.960.500
Công ty TNHH SX TM Phong Niên	528.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	321.552.000	-
Công ty TNHH VT-TM XNK Dương Nguyên	273.596.400	-
Các đối tượng khác	1.189.463.590	2.146.871.215
Cộng	8.789.826.210	8.411.398.075

17. Người mua trả tiền trước

Công ty TNHH Xi măng Duyên Hà	244.629.000	-
Công ty TNHH MTV-TM Quốc Trung	150.000.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí Đức Thành	100.000.000	-
Shanghai Yuexing Furniture Co, LTD	48.237.648	-
Các đối tượng khác	61.232.557	325.143.600
Cộng	604.099.205	325.143.600

18. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số còn phải nộp cuối năm</u>
Thuế GTGT nội địa	183.891.611	13.478.923.785	13.660.255.396	2.560.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.075.744.824	2.905.195.156	3.980.939.980	-
Thuế xuất, nhập khẩu	80.931.428	556.505.067	637.436.495	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.433.506.741	2.457.460.751	2.451.810.501	2.439.156.991
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	45.694.800	-	19.641.600	26.053.200
Thuế thu nhập cá nhân	86.912.129	1.359.319.717	1.206.689.910	239.541.936
Cộng	3.906.681.533	20.757.404.476	21.956.773.882	2.707.312.127

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng
 - + Doanh thu xuất khẩu : 0%
 - + Doanh thu bán cao su nguyên liệu : 5%
 - + Doanh thu bán thành phẩm : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.14)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

19. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả người lao động	744.354.109	171.671.302
Cộng	<u>744.354.109</u>	<u>171.671.302</u>

20. Chi phí phải trả

Chi phí bán hàng	2.307.742.000	2.044.509.000
Lãi vay phải trả	33.616.871	-
Cộng	<u>2.341.358.871</u>	<u>2.044.509.000</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Kinh phí công đoàn	42.681.761	61.145.146
Phải trả về cổ phần hóa	420.125.000	420.125.000
Cổ tức phải trả	6.005.006.400	1.507.357.200
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả khác	227.112.280	262.952.280
Tổng cộng	<u>11.694.925.441</u>	<u>7.251.579.626</u>

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	1.934.528.758	1.235.643.328
Cộng	<u>1.934.528.758</u>	<u>1.235.643.328</u>

23. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn	140.000.000	140.000.000
Cộng	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng Kỹ Thương	15.060.822.504	1.253.464.560	2.544.687.984	13.769.599.080
Cộng	<u>15.060.822.504</u>	<u>1.253.464.560</u>	<u>2.544.687.984</u>	<u>13.769.599.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết các khoản vay như sau:

Vay ngân hàng Kỹ thương

- + Hợp đồng tín dụng số 11646/HĐTD/TH-PN/TCB_CL
- + Hạn mức vay: 16.000.000.000 VND
- + Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ
- + Mục đích vay : Mua máy móc thiết bị
- + Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trên đất ở khu công nghiệp tây bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu và các quỹ

Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.640.000.000	-	-	105.640.000.000
Vốn cổ phần	82.499.980.000	-	-	82.499.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	23.140.020.000	-	-	23.140.020.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12.200.640.111	14.108.231.974	19.560.304.142	6.748.567.943
Các quỹ	8.081.070.968	3.299.307.342	-	11.380.378.310
Quỹ đầu tư phát triển	6.753.014.656	2.186.640.746	-	8.939.655.402
Quỹ dự phòng tài chính	1.328.056.312	1.112.666.596	-	2.440.722.908
Cộng	125.921.711.079	17.407.539.316	19.560.304.142	123.768.946.253

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.249.998	8.249.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.249.998	8.249.998
+ Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	8.249.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.249.998	8.249.998
+ Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	8.249.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	,	12.200.640.111
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong năm	14.108.231.974	
Phân phối lợi nhuận		
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.186.640.746	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	1.112.666.596	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.061.000.000	
+ Trích cổ tức trong 2010	6.599.998.400	
+ Trích cổ tức trong 2011	6.599.998.400	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	6.748.567.943	

Công ty chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2011.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	39.645.188.782	18.888.674.836
Doanh thu bán thành phẩm	109.608.566.878	91.445.055.393
Doanh thu sản phẩm khác	17.107.016.354	2.114.508.546
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	362.099.536
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	362.099.536
Doanh thu thuần	166.360.772.014	112.086.139.239

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	38.375.096.397	18.322.690.838
Giá vốn thành phẩm	78.890.350.913	59.679.394.937
Giá vốn sản phẩm khác	11.255.703.053	4.376.261.459
Cộng	128.521.150.363	82.378.347.234

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	5.275.640.221	4.306.995.147
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.168.197	251.495.915
Lãi liên doanh	2.548.713.129	3.382.792.381
Cộng	7.898.521.547	7.941.283.443

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	823.365.031	1.081.358.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.178.255.801	774.169.950
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	1.266.166.756	395.134.227
Chi phí tài chính khác	795.226.116	358.473.860
Cộng	4.063.013.704	2.609.136.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.874.393.655	1.916.638.337
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	279.504.522	143.549.196
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	72.515.637	19.155.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.637.748	56.594.084
Chi phí bảo hành	1.366.814.293	509.263.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.393.337.871	10.178.572.247
Chi phí bằng tiền khác	99.342.702	78.999.136
Chi phí chào hàng mẫu	131.042	14.968.489
Cộng	17.153.677.470	12.917.741.139

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	3.794.850.804	3.096.765.710
Chi phí đồ dùng văn phòng	128.957.272	38.329.511
Chi phí khấu hao	474.075.005	370.226.004
Chi phí lập dự phòng	857.292.149	357.749.429
Thuế, phí, lệ phí	78.372.867	70.211.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.096.082.087	2.652.393.486
Chi phí bằng tiền khác	523.213.913	697.995.080
Cộng	7.952.844.097	7.283.670.300

7. Thu nhập khác

Thu do bán phế liệu	13.860.000	-
Thanh lý TSCĐ	-	660.346.594
Các khoản khác	736.911	805.979
Cộng	14.596.911	661.152.573

8. Chi phí khác

Hạch toán giảm TSCĐ do nhượng bán	-	657.125.700
Chi phạt	15.475.290	-
Các khoản khác	2.036.823	6.999.511
Cộng	17.512.113	664.125.211

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	16.565.692.725	14.835.554.615
<i>Trong đó</i>		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	10.362.845.724	8.591.793.198
- Thu nhập khác	6.202.847.001	6.243.761.417
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế TNDN phải nộp	4.141.423.181	3.708.888.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.683.962.430	1.073.974.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.457.460.751	2.634.914.504

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.108.231.974	12.200.640.111
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.108.231.974	12.200.640.111
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.249.998	8.249.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.710	1.479

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.859.000.000	1.570.000.000
Cộng	1.859.000.000	1.570.000.000

Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 chi tiết như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ	Số tiền phải trả	5.000.000.000
		Phải thu khác	4.000.000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TỐ NHƯ
Kế toán trưởng